TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2026/HS-ST
Ngày: 17/4/2026.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sỹ Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tự.
2. Bà Nguyễn Thị Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Minh Phước - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh, mở phiên tòa xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 99/2026/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 255/2026/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2026 và Thông báo về việc thay đổi ngày giờ xét xử vụ án hình sự 25/2026/TB-TA ngày 09 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo:

Nghiêm Thị N, tên gọi khác: không, sinh ngày 26/01/1959 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: chưa đăng ký; chỗ ở: 266/40/5 T, phường K, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: 266/40/5 T, Phường H, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh); trình độ học vấn: 0/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nghiêm Nghĩa N1 và bà Nguyễn Thị N2 (đều đã chết), có chồng Nguyễn Văn N3 (đã chết); có 03 con, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Tại bản án số 132/2010/HSST ngày 13/12/2010, bị Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" nhưng được hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng, đã xóa án tích.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 21/10/2024 (có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Bích N4, sinh năm 1992; nơi thường trú: C L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Ấp C, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt tại phiên tòa).

Người làm chứng: Ông Trần Quốc T, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp C, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 07 giờ ngày 21/10/2024, Công an P, Quận D (nay là phường K, Thành phố Hồ Chí Minh) tuần tra đến trước số A H, Phường I, Quận D, nay là phường K, Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện Nghiêm Thị N đang điều khiển xe gắn máy hiệu SYM màu trắng đen, biển số 94D1-132.96 có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy nên tiến hành kiểm tra. Qua kiểm tra phát hiện trên tay trái của Nghiêm Thị N đang cầm 01 bịch nylon bên trong có 06 đoạn ống nhựa màu trắng được hàn kín hai đầu bên trong có chứa chất bột, N khai là ma túy. Cùng lúc đó, tổ công tác phát hiện Trần Quốc T đang điều khiển xe gắn máy kiểu dáng Sirius, màu đỏ đen, biển số: 54S3-2924 chở theo Nguyễn Thị Bích N4 đến để tìm N4 mua ma tuý, nhưng chưa mua được, do thấy N4 bị bắt nên T quay xe bỏ chạy và bị té ngã để lại phương tiện và Nguyễn Thị Bích N4. Tổ công tác tiến hành đưa Nghiêm Thị N, Nguyễn Thị Bích N4 cùng tang vật về trụ sở Công an P, Quận D, nay là phường K, Thành phố Hồ Chí Minh lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nghiêm Thị N.

Tại Kết luận giám định số 12482/KL-KTHS ngày 29/10/2024 của Phòng K Công an Thành phố H kết luận: 01 gói giấy đựng 06 đoạn ống nhựa bên trong là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 0,4669 gam loại Heroin.

Tại Cơ quan điều tra, Nghiêm Thị N khai nhận đã bán ma tuý cho vợ chồng Nguyễn Thị Bích N4, Trần Quốc T được 02 lần vào các ngày 21/6/2024, 24/9/2024, riêng ngày 21/10/2024 chưa kịp bán ma tuý thì đã bị bắt giữ cùng tang vật. Nguyễn Thị Bích N4, Trần Quốc T gọi điện thoại hỏi mua ma túy, Nghiêm Thị N hẹn giao ma túy ở khu vực trước số A H, Phường I, Quận D và nhận tiền mặt. Nguồn ma túy, N mua từ đối tượng tên "Mẫn" ở khu vực ngã 4 Đ, H thuộc Phường A, Quận D, nay là phường X, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 50.000 đồng/tép, N đã thu lợi bất chính 240.000 đồng và sử dụng vào mục đích khám bệnh.

Nguyễn Thị Bích N4 và Trần Quốc T thừa nhận đã 02 lần mua ma túy của Nghiêm Thị N vào các ngày 21/6/2024 và 24/9/2024 để sử dụng. Riêng ngày 21/10/2024, T và Bích N4 chưa kịp mua ma túy thì thấy Nghiêm Thị N bị bắt quả tang nên đã quay xe bỏ chạy. Bích Nga và T chủ động gọi điện liên lạc Nghiêm Thị N để mua ma túy, tiền mua ma túy do cả hai tự đi làm công trình tích góp để mua. Sau khi có ma túy, cả hai sử dụng riêng ở nhiều địa điểm khác nhau (N sử dụng ở khu vực công viên gần nhà, T sử dụng ở khu vực công trường nơi làm việc của mình).

Ngày 21/10/2024 vợ chồng Bích N4, T chưa đưa tiền, chưa nhận ma túy, thông tin điện thoại không có tin nhắn đặt mua ma túy, thời điểm bắt giữ, số ma túy 0,4669 gam Heroine vẫn do Nghiêm Thị N cất giữ. Do đó, chưa đủ cơ sở để xử lý Nguyễn Thị Bích N4 và Trần Quốc T về hành vi "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" và "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Cơ quan điều tra đã lập hồ sơ giao cho Ủy ban nhân dân Phường I, Quận D, nay là phường K, Thành phố Hồ Chí Minh đưa Nguyễn Thị Bích N4, Trần Quốc T vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Đối với đối tượng tên "M" đã bán ma túy cho Nghiêm Thị N, do không xác định được nhân thân lai lịch, nên không có cơ sở xử lý.

Vật chứng vụ án:

- Thu giữ của Nghiêm Thị N: 01 gói niêm phong là mẫu vật ma túy còn lại sau giám định; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ; 01 xe gắn máy gắn biển số 94D1-132.96; số tiền 1.500.000 đồng.

- Thu giữ của Nguyễn Thị Bích N4: 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A22, màu đen.

Tại bản Cáo trạng số 223/CT-VKSKV1 ngày 28/01/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nghiêm Thị N về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Nghiêm Thị N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh. Bị cáo thừa nhận việc Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh là đúng, không oan sai.

Sau khi kiểm tra toàn bộ lời khai của các bị cáo cùng với các tài liệu chứng cứ khác được đưa ra xem xét tại phiên tòa; đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nghiêm Thị N về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nghiêm Thị N từ 08 năm đến 09 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nghiêm Thị N.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp, đề nghị: Buộc bị cáo Nghiêm Thị N phải nộp lại số tiền 240.000 đồng thu lợi bất chính là để tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước. Trả lại cho bị cáo Nghiêm Thị N số tiền 1.500.000 đồng nhưng tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án. Tịch thu, tiêu hủy: 01 gói niêm phong bên trong là mẫu vật ma túy còn lại sau giám định. Tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ; 01 xe gắn máy gắn biển số 94D1-132.96; 01 điện thoại di động Samsung Galasy A22, màu đen.

Bị cáo Nghiêm Thị N thống nhất với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không tranh luận.

Trong phần nói lời sau cùng, bị cáo Nghiêm Thị N thể hiện sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia đình, hòa nhập xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Nghiêm Thị N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nghiêm Thị N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đã có đủ cơ sở xác định:

Vào lúc 07 giờ ngày 21/10/2024, Nghiêm Thị N đang điều khiển xe gắn máy hiệu SYM màu trắng đen, biển số 94D1-132.96 có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy nên bị Công an P, Quận D, nay là phường K, Thành phố Hồ Chí Minh kiểm tra. Qua kiểm tra phát hiện trên tay trái của Nghiêm Thị N đang cầm 01 bịch nylon bên trong có 06 đoạn ống nhựa màu trắng được hàn kín hai đầu bên trong có chứa chất bột, N khai là ma túy. Cùng lúc này, Trần Quốc T đang điều khiển xe gắn máy kiểu dáng Sirius, màu đỏ đen, biển số: 54S3-2924 chở theo Nguyễn Thị Bích N4 đến để tìm N4 mua ma tuý, nhưng chưa mua được, thấy N4 bị bắt nên T quay xe bỏ chạy và bị té ngã để lại phương tiện và Nguyễn Thị Bích N4. Tổ công tác tiến hành đưa Nghiêm Thị N, Nguyễn Thị Bích N4 cùng tang vật về trụ sở Công an P, Quận D, nay là phường K, Thành phố Hồ Chí Minh lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nghiêm Thị N.

Kết quả điều tra, xác định Nghiêm Thị N đã bán ma túy cho vợ chồng Nguyễn Thị Bích N4 và Trần Quốc T được 02 lần vào các ngày 21/6/2024 và 24/9/2024. Vào ngày 21/10/2024, Bích N4 và T có liên hệ N4 để mua ma túy, nhưng N4 chưa kịp giao, chưa nhận tiền thì đã bị bắt.

[3] Tại Kết luận giám định số 12482/KL-KTHS ngày 29/10/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 01 gói giấy đựng 06 đoạn ống nhựa bên trong là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 0,4669 gam loại Heroin.

[4] Từ nội dung đã nhận định từ mục [1] đến mục [3] có đủ cơ sở để kết luận: bị cáo Nghiêm Thị N đã phạm tội "Mua bán trái phép chất ma tuý", thuộc trường hợp phạm tội từ 02 lần trở lên. Tội phạm và khung hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bản Cáo trạng đã truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo Nghiêm Thị N là nghiêm trọng và gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, không những gây mất trật tự trị an, sức khỏe con người, mà còn làm tha hóa thanh thiếu niên, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác. Bản thân bị cáo nhận thức rõ tác hại của ma túy nhưng vẫn cố tình phạm tội. Vì vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với tội danh mà bị cáo phạm phải nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và góp phần đấu tranh, phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[6] Về nhân thân: Bị cáo Nghiêm Thị N có nhân thân xấu, từng bị xử phạt tù nhưng được hưởng án treo về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

[7] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nghiêm Thị N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nghiêm Thị N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[8] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, vai trò của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và ngăn ngừa tội phạm.

[9] Về hình phạt bổ sung: xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về hành vi của các đối tượng liên quan:

- Đối với Nguyễn Thị Bích N4, Trần Quốc T mua ma túy của Nghiêm Thị N để sử dụng: ngày 21/10/2024, T và Bích N4 đến gặp N4 để mua ma túy, nhưng chưa kịp mua thì thấy Nghiêm Thị N bị bắt, Bích N4 và T chưa đưa tiền, chưa nhận ma túy, thông tin điện thoại thu giữ không có tin nhắn đặt mua ma túy, số ma túy 0,4669 gam Heroin vẫn do Nghiêm Thị N cất giữ. Cơ quan điều tra không xử lý Nguyễn Thị Bích N4 và Trần Quốc T về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy" mà lập hồ sơ giao cho Ủy ban nhân dân Phường I, Quận D, nay là phường

K, Thành phố Hồ Chí Minh đưa Nguyễn Thị Bích N4, Trần Quốc T vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nên Hội đồng xét xử không xét.

- Đối với đối tượng tên "M" đã bán ma túy cho Nghiêm Thị N, do không xác định được nhân thân lai lịch, nên không có cơ sở xử lý.

[11] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Đối với số tiền 240.000 đồng, Nghiêm Thị N thu lợi bất chính từ hành vi mua bán trái phép chất ma túy, cần buộc bị cáo nộp lại để tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước.

- Đối với số ma túy sau giám định là vật cấm lưu hành, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia thu giữ của bà Nghiêm Thị N, 01 điện thoại di động Samsung Galasy A22 thu giữ của Nguyễn Thị Bích N4. Bị cáo Nghiêm Thị N và Nguyễn Thị Bích N4 sử dụng điện thoại để liên lạc trao đổi mua bán ma túy. Đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 1.500.000 đồng của Nghiêm Thị N không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo, nhưng tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

- Đối với 01 xe gắn máy gắn biển số 94D1-132.96, số khung RLGSC10LHCH006793, số máy: VMSACDH006793. Qua xác minh xe do Nguyễn Văn H, HKTT: Ấp B, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu đứng tên sở hữu. Kết quả xác minh không có ai tên Nguyễn Văn H cư trú tại địa chỉ trên. Cơ quan điều tra đã đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng chưa có kết quả. Do không xác định được chủ sở hữu đang ở đâu nên cần tiếp tục giao cho Cơ quan thi hành án đăng báo tìm chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp trong 01 năm, hết thời hạn trên không ai đến nhận thì tịch thu, nộp vào Ngân sách nhà nước.

[12] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Về quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nghiêm Thị N 08 (tám) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày 21/10/2024.

Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Buộc bị cáo Nghiêm Thị N phải nộp lại số tiền 240.000 (hai trăm bốn mươi nghìn) đồng để tịch thu, nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo Nghiêm Thị N số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng, nhưng tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 gói niêm phong bên trong là mẫu vật còn lại sau giám định.

- Tịch thu, nộp vào Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không mở được máy, không kiểm tra tình trạng hoạt động; 01 điện thoại di động Samsung Galasy A22, màu đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không mở được máy, không kiểm tra tình trạng hoạt động.

- Giao cho cơ quan thi hành án đăng báo trong thời hạn 01 năm để trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp đối với 01 xe máy biển số 94D1-132.96, màu trắng, số khung RLGSC10LHCH006793, số máy VMSACDH006793, xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết máy bên trong, nếu sau thời hạn 01 năm không có ai đến nhận thì tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 171/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy nộp tiền vào tài khoản kho bạc nhà nước do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ngày 18/11/2024).

Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Nghiêm Thị N phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Nghiêm Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Nguyễn Thị Bích N4 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 (sau đây gọi tắt là Luật thi hành án dân sự) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP.HCM; (1)
- VKSND khu vực 1 - TP.HCM; (3)
- TAND TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại tạm giam Chí Hòa - Công an TP.HCM;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Cơ quan THA-HS có thẩm quyền; (2)
- Phòng PV06-CA TP.HCM; (4)
- Phòng THADS khu vực 1 - TP.HCM; (1)
- Công an TP.HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Sở tư pháp; (2)
- Đương sự; (1)
- Lưu: VP, hồ sơ./. (P/25) (2)

(5)

Phan Sỹ Hùng